

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



# **EY**

**Shape the future  
with confidence**

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 43

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên
Ông Phạm Thử Triệu	Thành viên
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2025
Bà Đình Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2025

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Mai Hương	từ ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Bùi Hữu Hiền	đến ngày 23 tháng 4 năm 2025

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Mai Hương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12210159/69194633-LR-HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 22 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future  
with confidence

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Hồ Khánh Tân  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.099.546.400.377</b>	<b>1.933.714.163.459</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>21.169.678.782</b>	<b>21.918.032.395</b>
111	1. Tiền	5	21.169.678.782	21.918.032.395
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.110.273.006.790</b>	<b>1.012.314.639.678</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.044.290.306.682	981.808.523.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.295.379.017	18.251.158.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	82.530.723.959	48.007.819.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(34.843.402.868)	(35.752.861.392)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>957.420.026.791</b>	<b>885.384.170.267</b>
141	1. Hàng tồn kho		967.480.186.263	890.906.558.017
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.060.159.472)	(5.522.387.750)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.683.688.014</b>	<b>14.097.321.119</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	559.854.561	1.090.909.101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.063.549.520	13.006.412.018
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	60.283.933	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>194.132.128.097</b>	<b>200.960.076.863</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>650.000.000</b>	<b>650.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	650.000.000	650.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>157.326.729.173</b>	<b>164.381.212.491</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	80.092.795.212	85.707.370.414
222	Nguyên giá		185.031.323.699	200.228.562.385
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(104.938.528.487)	(114.521.191.971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	77.233.933.961	78.673.842.077
228	Nguyên giá		97.704.403.845	98.336.207.145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.470.469.884)	(19.662.365.068)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>532.355.455</b>	<b>315.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	532.355.455	315.000.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>33.544.840.275</b>	<b>33.856.558.900</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.072.355.552	4.384.074.177
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.078.203.194</b>	<b>1.757.305.472</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.078.203.194	1.757.305.472
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.293.678.528.474</b>	<b>2.134.674.240.322</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.077.558.041.250</b>	<b>1.917.466.114.237</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.048.384.287.475</b>	<b>1.888.267.538.425</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.039.350.740.691	996.223.876.429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	14.273.685.511	14.815.414.612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.618.348.937	1.924.084.965
314	4. Phải trả người lao động		2.280.754.285	9.109.888.013
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.040.274.520	3.596.580.335
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.644.026	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.130.754.847	8.980.244.178
320	8. Vay ngắn hạn	19	957.962.376.429	851.919.198.962
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	677.708.229	1.648.607.002
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>29.173.753.775</b>	<b>29.198.575.812</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		173.753.775	198.575.812
338	2. Vay dài hạn	19	29.000.000.000	29.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>216.120.487.224</b>	<b>217.208.126.085</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>216.120.487.224</b>	<b>217.208.126.085</b>
411	1. Vốn cổ phần		182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586.200.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9.071.115.794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.935.571.430	26.023.210.291
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.403.808.064	11.460.237.841
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.531.763.366	14.562.972.450
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.293.678.528.474</b>	<b>2.134.674.240.322</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng  
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Mai Hương  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.483.961.467.409	1.571.365.950.983
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(7.416.621.380)	(2.892.670.972)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.476.544.846.029	1.568.473.280.011
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 27	(1.377.620.021.819)	(1.456.377.288.511)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.924.824.210	112.095.991.500
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	19.199.533.168	12.482.188.695
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(27.213.025.682) (21.760.908.402)	(26.034.106.210) (19.041.158.850)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(311.718.625)	(527.206.531)
25	9. Chi phí bán hàng	24, 27	(56.006.207.347)	(55.785.382.121)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 27	(15.469.195.145)	(28.606.099.634)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.124.210.579	13.625.385.699
31	12. Thu nhập khác	26	468.016.617	435.977.468
32	13. Chi phí khác	26	(292.017.844)	(408.954.168)
40	14. Lợi nhuận khác	26	175.998.773	27.023.300
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.300.209.352	13.652.408.999
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(2.768.445.986)	(3.457.488.031)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.531.763.366	10.194.920.968

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		16.531.763.366	10.194.920.968
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.5	771	386
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.5	771	386

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng  
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng




Phạm Thị Mai Hương  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>19.300.209.352</b>	<b>13.652.408.999</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	7.105.305.188	7.178.838.296
03	Dự phòng	27	7.419.514.575	8.106.430.075
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.974.479.288)	1.767.113.857
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.222.525.181)	238.938.556
06	Chi phí lãi vay	25	21.760.908.402	19.041.158.850
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>48.388.933.048</b>	<b>49.984.888.633</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(94.813.296.120)	(37.095.085.855)
10	Tăng hàng tồn kho		(80.364.829.623)	(41.009.353.088)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		40.673.443.802	(93.206.586.997)
12	Giảm chi phí trả trước		210.156.818	1.616.278.175
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.469.448.018)	(19.727.542.103)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(3.168.405.134)	(2.447.675.655)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.092.336.672)	(1.821.799.998)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(112.635.781.899)</b>	<b>(143.706.876.888)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(317.855.455)	(3.446.771.329)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		467.296.617	667.169.022
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.640.230.730	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		13.316.358	15.886.947
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>5.802.988.250</b>	<b>(2.763.715.360)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.372.839.854.520	1.269.819.027.903
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.266.796.677.053)	(1.156.378.759.195)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>106.043.177.467</b>	<b>113.440.268.708</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(789.616.182)</b>	<b>(33.030.323.540)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>21.918.032.395</b>	<b>50.493.258.886</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.262.569	3.279.137.655
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>21.169.678.782</b>	<b>20.742.073.001</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

Chu Thị Bích Hồng  
Người lập

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Mai Hương  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 380 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 425).

Công ty có một công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025 như được trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào ("Codupha-Lào") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 053-04 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Codupha-Lào có trụ sở chính tại số 253, đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Codupha-Lào là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thoái toàn bộ vốn trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 93,7% phần vốn chủ sở hữu và 93,7% quyền biểu quyết).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ được trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và công ty con cho từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và hàng tồn kho khác dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

##### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Nhóm Công ty.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh dược phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ**

***Thoái vốn và mất quyền kiểm soát công ty con - Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào***

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo Công bố thông tin số 667/CDP/2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương đương 93,7% vốn điều lệ của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2025, Bộ Công thương Lào đã gửi Thư trả lời về việc xác nhận Công ty đã chính thức chấm dứt khoản đầu tư vào Codupha-Lào.

Theo đó, Codupha-Lào đã không còn là công ty con của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2025.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào tại ngày thoái vốn được trình bày dưới đây.

	VND
	<i>Giá trị ghi sổ tại ngày thoái vốn</i>
<b>Tài sản</b>	<b>1.746.735.367</b>
Tiền và tương đương tiền	1.099.769.270
Các khoản phải thu	646.966.097
<b>Nợ phải trả</b>	<b>-</b>
<b>Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày thoái vốn</b>	<b>1.746.735.367</b>
Phần sở hữu của Tập đoàn trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con	1.636.691.039
Giá chuyển nhượng	6.740.000.000
<b>Lãi thoái vốn công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>	<b>5.103.308.961</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc thoái vốn tại công ty con</b>	
Tiền thu về từ thoái vốn công ty con	6.740.000.000
Số dư tiền của công ty con tại ngày thoái vốn	1.099.769.270
<b>Khoản tiền thuần thu vào từ thoái vốn công ty con được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ</b>	<b>5.640.230.730</b>

**5. TIỀN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Tiền mặt	169.185.477	350.684.388
Tiền gửi ngân hàng	21.000.493.305	21.567.348.007
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.169.678.782</b>	<b>21.918.032.395</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu từ khách hàng	1.044.290.306.682	981.808.523.031
Công ty TNHH Dược phẩm An Vương	116.308.289.439	177.271.677.134
Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng	112.256.201.600	102.299.153.275
Khác	815.725.815.643	702.237.692.622
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 8)	(30.672.910.344)	(31.616.948.811)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.013.617.396.338</b>	<b>950.191.574.220</b>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Y tế Thịnh Phát	6.564.504.000	-
Innatel Inc.,	3.269.185.921	-
Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ VMED	3.257.163.000	3.257.163.000
Các công ty khác	5.204.526.096	14.993.995.959
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.295.379.017</b>	<b>18.251.158.959</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 8)	(255.881.685)	(278.011.205)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>18.039.497.332</b>	<b>17.973.147.754</b>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>82.530.723.959</b>	<b>48.007.819.080</b>
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	31.893.202.357	29.164.537.400
Tiền hàng ủy thác trả hộ	28.979.122.428	-
Phải thu từ dịch vụ phân phối và lưu kho	11.305.313.622	5.050.494.134
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	2.914.411.089	5.301.389.853
Ký quỹ, ký cược	2.400.965.778	2.021.096.333
Tạm ứng cho nhân viên	2.391.405.760	3.730.080.545
Lãi phạt trả chậm	1.084.088.667	1.372.947.026
Khác	1.562.214.258	1.367.273.789
<b>Dài hạn</b>	<b>650.000.000</b>	<b>650.000.000</b>
Ký cược, ký quỹ	650.000.000	650.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.180.723.959</b>	<b>48.657.819.080</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 8)	(3.914.610.839)	(3.857.901.376)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>79.266.113.120</b>	<b>44.799.917.704</b>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ QUÁ HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>40.718.187.031</b>	<b>(30.672.910.344)</b>	<b>10.045.276.687</b>	<b>41.863.155.512</b>	<b>(31.616.948.811)</b>	<b>10.246.206.701</b>	
Công ty TNHH Thương mại							
Dược phẩm Mi Nguyễn	19.954.092.956	(14.890.295.901)	5.063.797.055	19.954.092.956	(14.675.102.753)	5.278.990.203	
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp							
Bách Niên	3.543.033.894	(1.501.243.197)	2.041.790.697	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế							
Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	
Trung tâm Y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	
Các khách hàng khác	9.178.478.553	(6.238.789.618)	2.939.688.935	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.914.610.839</b>	<b>(3.914.610.839)</b>	<b>-</b>	<b>3.914.610.839</b>	<b>(3.857.901.376)</b>	<b>56.709.463</b>	
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị							
Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu							
Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	816.000.000	(816.000.000)	-	
Công ty TNHH Thương mại							
Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	-	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463	
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>255.881.685</b>	<b>(255.881.685)</b>	<b>-</b>	<b>278.011.205</b>	<b>(278.011.205)</b>	<b>-</b>	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế							
Hoàng An	255.881.685	(255.881.685)	-	278.011.205	(278.011.205)	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.888.679.555</b>	<b>(34.843.402.868)</b>	<b>10.045.276.687</b>	<b>46.055.777.556</b>	<b>(35.752.861.392)</b>	<b>10.302.916.164</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. NỢ QUÁ HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	35.752.861.392	24.961.572.180
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	2.232.910.586	7.259.664.961
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.142.369.110)	(189.658.218)
Số cuối kỳ	<u>34.843.402.868</u>	<u>32.031.578.923</u>

Nhóm Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu về lãi trả chậm trị giá 4.370.800.511 VND phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu do chưa có cơ sở chắc chắn về khả năng thu hồi.

## 9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	852.084.627.366	855.487.896.708
Hàng mua đang đi đường	115.395.558.897	35.418.661.309
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>967.480.186.263</b>	<b>890.906.558.017</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.060.159.472)	(5.522.387.750)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>957.420.026.791</u></b>	<b><u>885.384.170.267</u></b>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	5.522.387.750	4.396.909.917
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	12.361.929.820	7.302.513.785
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.032.956.721)	(334.375.436)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong kỳ	(3.791.201.377)	(6.266.090.453)
Số cuối kỳ	<u>10.060.159.472</u>	<u>5.098.957.813</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>559.854.561</b>	<b>1.090.909.101</b>
Chi phí thuê	545.454.561	1.090.909.101
Khác	14.400.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.078.203.194</b>	<b>1.757.305.472</b>
Chi phí bảo trì, sửa chữa	1.841.474.541	1.757.305.472
Khác	236.728.653	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.638.057.755</b>	<b>2.848.214.573</b>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng. vật kiến trúc	Máy móc. thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
VND						
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	101.791.619.012	53.875.647.364	40.800.831.453	3.424.768.125	335.696.431	200.228.562.385
Mua mới	-	100.500.000	-	-	-	100.500.000
Thanh lý	-	(701.339.100)	(2.323.852.016)	-	-	(3.025.191.116)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)	-	(277.888.968)	(12.272.547.570)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	95.966.408.877	48.843.042.544	36.739.296.690	3.424.768.125	57.807.463	185.031.323.699
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	7.163.447.078	12.649.737.432	15.401.066.521	2.480.332.618	57.807.463	37.752.391.112
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	42.952.040.107	40.318.324.749	27.975.639.556	2.939.491.128	335.696.431	114.521.191.971
Khấu hao trong kỳ	2.183.525.100	2.269.788.180	1.136.685.434	75.398.358	-	5.665.397.072
Thanh lý	-	(651.660.970)	(2.323.852.016)	-	-	(2.975.512.986)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)	-	(277.888.968)	(12.272.547.570)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	39.310.355.072	37.504.686.239	25.050.790.227	3.014.889.486	57.807.463	104.938.528.487
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	56.656.053.805	11.338.356.305	11.688.506.463	409.878.639	-	80.092.795.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
VND			
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	95.550.215.507	2.785.991.638	98.336.207.145
Giảm do thoái vốn Công ty con	(467.777.662)	(164.025.638)	(631.803.300)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	95.082.437.845	2.621.966.000	97.704.403.845
<b>Trong đó:</b>			
Đã hao mòn hết	558.677.536	-	558.677.536
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	18.066.706.564	1.595.658.504	19.662.365.068
Hao mòn trong kỳ	1.269.836.514	170.071.602	1.439.908.116
Giảm do thoái vốn Công ty con	(467.777.662)	(164.025.638)	(631.803.300)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	18.868.765.416	1.601.704.468	20.470.469.884
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	77.483.508.943	1.190.333.134	78.673.842.077
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	76.213.672.429	1.020.261.532	77.233.933.961

(\*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 31.786.299.060 VND, tọa lạc tại số 132A, đường Nguyễn Văn Cừ nổi dài, phường Tân An, Thành phố Cần Thơ (địa chỉ trước đây là số 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ) để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
VND		
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	231.000.000	165.000.000
Khác	301.355.455	150.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>532.355.455</b>	<b>315.000.000</b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
VND		
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 14.1</i> )	4.072.355.552	4.384.074.177
Đầu tư vào các đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 14.2</i> )	29.472.484.723	29.472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.544.840.275</b>	<b>33.856.558.900</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá trị còn lại	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị còn lại
			(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	Đang hoạt động	30	<u>4.072.355.552</u>	30	<u>4.384.074.177</u>

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

VND  
Số tiền

**Giá gốc đầu tư:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 3.520.408.664

**Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 863.665.513  
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ (311.718.625)  
Ngày 30 tháng 6 năm 2025 551.946.888

**Giá trị còn lại:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 4.384.074.177  
Ngày 30 tháng 6 năm 2025 4.072.355.552

**14.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	Đang hoạt động	3.68	22.983.000.000	3.68	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	Đang hoạt động	3.82	6.017.000.000	3.82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	Đang hoạt động	0.86	472.484.723	0.86	472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>				<u>29.472.484.723</u>		<u>29.472.484.723</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)**

(\*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 19*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị còn lại trên sổ sách của Công ty.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024/ Số có khả năng trả nợ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên khác	1.038.285.105.794	994.921.054.894
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	207.188.402.032	228.034.625.325
Novapri Lifescience Private Limited	125.816.838.394	104.218.476.026
Khác	705.279.865.368	662.667.953.543
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	1.065.634.897	1.302.821.535
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.039.350.740.691</b>	<b>996.223.876.429</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Ngọc Mỹ	3.639.404.000	-
Trung Tâm Y Tế Quân Dân Y Phú Quý	3.313.991.094	-
Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Trường Tồn	2.051.561.583	3.378.237.903
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng Và Công Nghiệp Tỉnh Trà Vinh	1.872.839.020	1.872.839.020
Khác	3.395.889.814	9.564.337.689
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.273.685.511</b>	<b>14.815.414.612</b>



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP. PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Số phải nộp trong kỳ	Số được khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	
	Phải thu	Phải trả				Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	-	(83.005.557.774)	82.615.655.387	291.396.145	-	(98.506.242)
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	(5.386.196)	(21.308.755.634)	-	21.374.425.763	60.283.933	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(3.137.587)	(2.165.138.356)	-	2.168.275.943	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.548.860.088)	(2.768.445.986)	-	3.168.405.134	-	(1.148.900.940)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(366.701.094)	(860.696.796)	-	1.022.523.079	-	(204.874.811)
Các loại thuế khác	-	-	(208.066.944)	-	42.000.000	-	(166.066.944)
TỔNG CỘNG	-	(1.924.084.965)	(110.316.661.490)	82.615.655.387	28.067.026.064	60.283.933	(1.618.348.937)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
Chi phí lãi vay	899.939.381			608.478.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.342.418			1.621.250.000
Chi phí nhân viên	232.571.000			487.464.000
Khác	574.421.721			879.387.338
TỔNG CỘNG	2.040.274.520			3.596.580.335

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ tức phải trả	16.335.806.977	123.735.165
Nhận ủy thác nhập khẩu	10.920.714.201	6.578.410.880
Nhận ký quỹ, ký cược	270.356.128	479.001.586
Khác	2.603.877.541	1.799.096.547
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.130.754.847</b>	<b>8.980.244.178</b>

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025/ Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>851.919.198.962</b>	<b>1.372.839.854.520</b>	<b>(1.266.796.677.053)</b>	<b>957.962.376.429</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	851.322.198.960	1.372.839.854.520	(1.266.796.677.053)	957.365.376.427
Vay cá nhân	597.000.002	-	-	597.000.002
<b>Vay dài hạn</b>	<b>29.000.000.000</b>	-	-	<b>29.000.000.000</b>
Vay bên khác (Thuyết minh số 19.2)	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>880.919.198.962</b>	<b>1.372.839.854.520</b>	<b>(1.266.796.677.053)</b>	<b>986.962.376.429</b>





Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 6, 9 và 12)
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	469.456.321.243	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2025 đến ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 280.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 240.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	175.916.566.850	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến ngày 9 tháng 11 năm 2025	Từ 5.0 đến 5.2	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	165.795.486.858	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến ngày 1 tháng 12 năm 2025	5.4	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chót giữ. Khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu là 334.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	106.189.548.916	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 19 tháng 12 năm 2025	5.2	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 132A, đường Nguyễn Văn Cừ nói dài, phường Tân An, thành phố Cần Thơ (địa chỉ trước đây là số 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	29.824.697.670	Ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 – Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	10.182.754.890	Ngày 29 tháng 12 năm 2025	5.2	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>957.365.376.427</b>			

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY (tiếp theo)

#### 19.2 Vay dài hạn khác

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (Thuyết minh số 14.2). Chi tiết như sau:

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 14.2)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	29.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương

### 20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	1.821.799.998 (1.821.799.998)
Số cuối kỳ	677.708.229



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND							
Vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
			Cổ phiếu quỹ				
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	10.194.920.968	10.194.920.968
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	-	-	-	3.486.097.657	-	-	3.486.097.657
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.328.565.409)	(1.328.565.409)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(5.357.742.788)	9.071.115.794	29.430.993.400	215.471.830.339
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	16.531.763.366	16.531.763.366
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	-	(16.387.920.000)	(16.387.920.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.231.482.227)	(1.231.482.227)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	24.935.571.430	216.120.487.224

(\*) Trong kỳ, Công ty đã công bố chỉ trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 16.387.920.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	182.700.000.000	182.700.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	16.387.920.000	-

**21.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**21.4 Chi tiết vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	19	34.700.000.000	19
Các cổ đông khác	26.775.000.000	15	26.775.000.000	15
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>182.700.000.000</b>	<b>100</b>	<b>182.700.000.000</b>	<b>100</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND		
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Trình bày lại)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Số đã trình bày kỳ trước)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	16.531.763.366	10.194.920.968	10.194.920.968
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(2.500.000.000)	(3.171.492.187)	(1.821.799.998)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	14.031.763.366	7.023.428.781	8.373.120.970
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	18.208.800	18.208.800	18.208.800
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>771</b>	<b>386</b>	<b>460</b>
<b>Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>771</b>	<b>386</b>	<b>460</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. DOANH THU

### 22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.483.961.467.409</b>	<b>1.571.365.950.983</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.453.824.623.474	1.552.067.843.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.136.843.935	19.298.107.360
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(7.416.621.380)</b>	<b>(2.892.670.972)</b>
Hàng bán trả lại	(5.981.742.702)	(1.854.547.612)
Chiết khấu thương mại	-	(977.134.388)
Giảm giá hàng bán	(1.434.878.678)	(60.988.972)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.476.544.846.029</b>	<b>1.568.473.280.011</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.446.408.002.094	1.549.175.172.651
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.136.843.935	19.298.107.360

### 22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.276.077.371	4.752.630.995
Lãi thoái vốn công ty con	5.103.308.961	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	4.656.059.844	5.568.831.638
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	1.150.770.634	2.144.839.115
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.316.358	15.886.947
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.199.533.168</b>	<b>12.482.188.695</b>

## 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn hàng bán	1.365.914.476.384	1.453.028.936.226
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.376.572.336	2.311.928.953
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.328.973.099	1.036.423.332
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.377.620.021.819</b>	<b>1.456.377.288.511</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>56.006.207.347</b>	<b>55.785.382.121</b>
Chi phí nhân viên	29.825.437.112	31.321.365.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.195.797.574	8.931.485.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.152.000.438	6.254.074.172
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.318.768.398	1.355.665.329
Chi phí bán hàng khác	9.514.203.825	7.922.791.901
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.469.195.145</b>	<b>28.606.099.634</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.168.621.373	9.994.365.791
Chi phí nhân viên	1.474.195.453	1.503.265.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	895.301.892	866.761.266
Chi phí dụng cụ quản lý	659.363.210	189.107.727
Thuế, phí và lệ phí	263.297.801	27.875.170
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng		
nợ phải thu khó đòi	(909.458.524)	7.070.006.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.917.873.940	8.954.717.937
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.475.402.492</b>	<b>84.391.481.755</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	21.760.908.402	19.041.158.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.334.651.471	6.992.947.360
Khác	117.465.809	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.213.025.682</b>	<b>26.034.106.210</b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Thu nhập khác</b>	<b>468.016.617</b>	<b>435.977.468</b>
Lãi thanh lý tài sản	467.296.617	272.381.028
Khác	720.000	163.596.440
<b>Chi phí khác</b>	<b>(292.017.844)</b>	<b>(408.954.168)</b>
Phạt vi phạm hành chính	(114.223.844)	(62.092.600)
Khác	(177.794.000)	(346.861.568)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>175.998.773</b>	<b>27.023.300</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí hàng hóa	1.365.914.476.384	1.453.028.936.226
Chi phí nhân viên	31.299.632.565	32.824.630.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.740.991.283	21.237.779.832
Chi phí dự phòng	7.419.514.575	8.106.430.075
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.047.302.330	7.120.835.438
Chi phí khác	18.673.507.174	18.450.158.064
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.449.095.424.311</b>	<b>1.540.768.770.266</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 5% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.768.445.986	3.440.385.657
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	17.102.374
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.768.445.986</b>	<b>3.457.488.031</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.300.209.352</b>	<b>13.652.408.999</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản điều chỉnh tăng:	758.736.270	331.698.897
Chi phí không được khấu trừ thuế	410.967.645	199.698.897
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	36.050.000	132.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng khác	311.718.625	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Các khoản điều chỉnh giảm:	(6.216.715.691)	(543.364.770)
Lợi nhuận từ thanh lý công ty con	(5.103.308.961)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.113.406.730)	-
Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(543.364.770)
<b>Lợi nhuận trước thuế ước tính trong năm</b>	<b>13.842.229.931</b>	<b>13.440.743.126</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế 20%	13.842.229.931	17.201.928.284
Lỗ tính thuế	-	(3.761.185.158)
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.768.445.986</b>	<b>3.440.385.657</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	17.102.374
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.768.445.986</b>	<b>3.457.488.031</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách người có liên quan của Công ty được trình bày tại Phụ lục 7 trong Báo cáo tình hình Quản trị số 846/CDP-2025 đã được công bố thông tin đại chúng ngày 24 tháng 7 năm 2025.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát/ảnh hưởng đáng kể và các bên liên quan khác có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	127.736.757
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	-	3.232.680

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>

***Phải trả người bán ngắn hạn***

Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	6.471.014
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.065.634.897</b>	<b>1.302.821.535</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"). Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ như sau:

		VND	
Chức vụ		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	480.000.000	480.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc đến ngày 18 tháng 4 năm 2025	420.000.000	420.000.000
Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc từ ngày 18 tháng 4 năm 2025	184.090.909	-
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 3 năm 2025	110.000.000	327.930.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 2 tháng 6 năm 2025	67.500.000	-
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	12.000.000	4.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.405.590.909</b>	<b>1.363.930.000</b>

**30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Bên đi thuê**

Nhóm Công ty thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm		5.765.400.000	7.420.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm		12.276.000.000	14.331.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>18.041.400.000</b>	<b>21.751.800.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa giữ hộ (đơn vị):		
Hộp	1.183.269	1.095.880
Ông	149.809	9
Cái	71.000	-
Tuýp	59.872	27.877
Chai	29.120	20.100
Khác	19.280	29.438
Ngoại tệ:		
Đô la Mỹ (USD)	625	62.602
Euro (EUR)	317	1.041
Kip Lào (LAK)	-	990.664
Bath Thái (THB)	-	2.501

### 32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu đến từ xuất bán hàng hóa nội địa, trong khi doanh thu từ nước ngoài chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

### 33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng  
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Mai Hương  
Tổng Giám đốc